

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO LẦN 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 03 tháng 6 năm 2008 và ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 01 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng, tiêu chuẩn các ngạch Thanh tra viên quốc phòng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan thanh tra và Thủ trưởng cơ quan thanh tra thuộc Bộ Quốc phòng; Trưởng đoàn thanh

tra, Thanh tra viên, Thành viên Đoàn thanh tra; đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan đến hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quân sự, quốc phòng của Việt Nam và pháp luật về thanh tra.

Trường hợp quy định của Nghị định này khác với quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

### **Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra quốc phòng**

Thanh tra quốc phòng có trách nhiệm thực hiện và giúp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Đối tượng của Thanh tra quốc phòng**

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quân sự, quốc phòng; thực hiện nhiệm vụ và các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, các quy định quản lý trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến pháp luật về quân sự, quốc phòng, của Việt Nam.

### **Điều 5. Nội dung hoạt động của Thanh tra quốc phòng**

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy định quản lý trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.
2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật nhà nước, chấp hành nhiệm vụ, quyền hạn, mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của người chỉ huy đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền người chỉ huy cùng cấp.
3. Tham mưu và giúp người chỉ huy cùng cấp tổ chức, quản lý và thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.
4. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thi hành hoặc hủy bỏ các quy định ban hành trái với văn bản pháp luật về thanh tra.
5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

### **Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra quốc phòng**

1. Tuân theo pháp luật; điều lệnh, điều lệ, các quy định của Quân đội; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.
2. Không trùng lặp phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thanh tra, giữa cơ quan thanh tra với cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Bộ Quốc phòng; không trùng lặp trong việc thực hiện quyền khi tiến hành thanh tra.
3. Không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác.
4. Hoạt động thanh tra được tiến hành theo Đoàn thanh tra.

### **Điều 7. Môi quan hệ của Thanh tra quốc phòng**

1. Thanh tra Bộ Quốc phòng chịu sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, sự quản lý, chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.
2. Thanh tra quốc phòng các cấp chịu sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý, chỉ huy của người chỉ huy cùng cấp, sự chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan thanh tra quốc phòng cấp trên trực tiếp.
3. Quan hệ giữa cơ quan thanh tra trong Bộ Quốc phòng với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng là quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.
4. Quan hệ giữa cơ quan thanh tra quốc phòng các cấp với các cơ quan thanh tra các bộ, ngành, địa phương là mối quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

### **Điều 8. Đối với cơ quan, đơn vị không có cơ quan thanh tra quốc phòng**

Các cơ quan, đơn vị trong Quân đội từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên không có cơ quan thanh tra thì người chỉ huy chịu trách nhiệm và phân công cán bộ của cơ quan chính trị thuộc quyền hoặc trợ lý chính trị đảm nhiệm chức năng tham mưu, hướng dẫn và thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA QUỐC PHÒNG**

#### **Điều 9. Tổ chức Thanh tra quốc phòng**

1. Các cơ quan thanh tra quốc phòng, bao gồm:
  - a) Thanh tra Bộ Quốc phòng (sau đây gọi là Thanh tra Bộ);
  - b) Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các Tổng cục;

- c) Thanh tra quốc phòng quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;
- d) Thanh tra quân chủng;
- đ) Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng, quân đoàn, Cảnh sát biển Việt nam, Bộ Tư lệnh 86;
- e) Thanh tra binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông Quân đội; các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga;
- f) Thanh tra quốc phòng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh);
- g) Thanh tra Cục Tài chính.

2. Tổ chức, biên chế, trang bị của Thanh tra quốc phòng các cấp do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và các chức danh khác đối với Thanh tra quốc phòng các cấp thực hiện theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Thanh tra Bộ, Thanh tra quốc phòng quân khu, Thanh tra Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng, Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Vị trí, chức năng của Thanh tra Bộ**

Thanh tra Bộ là cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng của Bộ Quốc phòng; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ**

1. Trong quản lý nhà nước về thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tham mưu, xây dựng trình Bộ trưởng ban hành và hướng dẫn đơn đốc việc thực hiện quy định về tổ chức, hoạt động của Thanh tra quốc phòng;
- b) Hướng dẫn các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra hàng năm của cơ quan, đơn vị mình gửi về Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký ban hành;

c) Chỉ đạo công tác, hướng dẫn, bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra đối với đội ngũ cán bộ thanh tra quốc phòng các cấp; hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng;

d) Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo về công tác thanh tra; tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ Quốc phòng, quyết định xử lý về thanh tra của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

e) Thực hiện sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, thông tin, báo cáo, nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu nghiệp vụ về công tác thanh tra quốc phòng.

2. Trong hoạt động thanh tra, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra các bộ, ngành, địa phương tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, các mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng; thanh tra đối với các doanh nghiệp trong Quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập;

c) Thanh tra vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao; thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của các cơ quan thanh tra cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng; vụ việc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng đã có kết luận của thanh tra cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật qua xem xét, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

d) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của các kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng khi cần thiết.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

## **Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ**

1. Chánh Thanh tra Bộ có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng; lãnh đạo Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Chánh Thanh tra Bộ có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quyết định của mình;

b) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao;

c) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thanh tra trong phạm vi quản lý của mình khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp thủ trưởng các cơ quan, đơn vị không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quyết định của mình;

đ) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng; giải quyết vấn đề có liên quan đến công tác thanh tra;

e) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

f) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

g) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

h) Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

i) Tham gia ý kiến với lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng về thống nhất quản lý cán bộ thanh tra quốc phòng; sắp xếp, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quốc phòng cùng cấp; điều động cán bộ ra, vào ngành thanh tra quốc phòng ở các cấp trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

**Điều 13. Vị trí, chức năng của Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục**

Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục là cơ quan trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục, giúp Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng, Chủ nhiệm các tổng cục quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị do Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục trực tiếp quản lý; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm các tổng cục, Tổng Cục trưởng xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục. Khi Thanh tra Bộ yêu cầu thì phối hợp thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước, quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân.

3. Thanh tra vụ việc khác do Tổng Tham Mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục giao.

4. Giúp Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục và quyết định xử lý về thanh

tra của Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục.

6. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục.

7. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

**Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 14 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra.

6. Kiến nghị với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Báo cáo với Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Cục trưởng và Chủ nhiệm các tổng cục, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

**Điều 16. Vị trí, chức năng của Thanh tra quốc phòng quân khu, Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội**

Thanh tra quốc phòng quân khu, Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội là cơ quan trực thuộc quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; giúp Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn quân khu, Thủ đô Hà Nội; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quốc phòng quân khu, Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Tổ chức thanh tra hoặc phối hợp với thanh tra các cấp trong và ngoài Quân đội tiến hành thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn; quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các địa phương, cơ quan, tổ chức và cá nhân thuộc phạm vi quản lý của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

3. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

4. Thanh tra vụ việc khác do Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội giao.

5. Giúp Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra do Chánh Thanh tra Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh ban hành và quyết định xử lý về thanh tra của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh khi cần thiết.

7. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra quân khu, Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và các quyết định xử lý về thanh tra của Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

8. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy, cơ quan, đơn vị và Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh thuộc quân khu quản lý. Thực hiện sơ kết, tổng kết, tham gia biên soạn tài liệu nghiệp vụ ngành Thanh tra quốc phòng.

**Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu, Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội**

1. Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu, Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quốc phòng quân khu, Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 17 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

2. Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu, Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội về quyết định của mình;

b) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Tư lệnh quân khu giao;

c) Yêu cầu Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tiến hành thanh tra trong phạm vi quản lý của mình khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh quân khu về quyết định của mình;

d) Quyết định hoặc kiến nghị Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tạm đình chỉ việc thi hành quyết định có nội dung trái pháp luật về thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;

đ) Kiến nghị với Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ;

e) Kiến nghị với Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

g) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

h) Tham gia, kiến nghị với lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị trực thuộc quân khu, việc quản lý, sắp xếp, sử dụng Thanh tra viên, điều động cán bộ ra, vào ngành và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;

i) Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra;

k) Báo cáo Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

l) Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

m) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

### **Điều 19. Vị trí, chức năng của Thanh tra quân chủng**

Thanh tra quân chủng là cơ quan trực thuộc quân chủng, giúp Tư lệnh quân chủng quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh quân chủng; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

### **Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quân chủng**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Tư lệnh quân chủng xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh quân chủng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh quân chủng. Khi Thanh tra Bộ yêu cầu thì phối hợp thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân.

3. Thanh tra vụ việc khác do Tư lệnh quân chủng giao.

4. Giúp Tư lệnh quân chủng quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra quân chủng và các quyết định xử lý về thanh tra của Tư lệnh quân chủng.

6. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quân chủng.

7. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

### **Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quân chủng**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của quân chủng; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quân chủng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh quân chủng về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với Tư lệnh quân chủng giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với Tư lệnh quân chủng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quân chủng

đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra.

6. Kiến nghị Tư lệnh quân chủng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Báo cáo Tư lệnh quân chủng, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của quân chủng trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

## **Điều 22. Vị trí, chức năng của Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng**

Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng là cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, giúp Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; thanh tra chuyên ngành việc thực hiện pháp luật về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và tại các cửa khẩu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động trên địa bàn biên giới, hải đảo, vùng biển, các cửa khẩu trong phạm vi quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

## **Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Tư lệnh Bộ đội Biên phòng xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

3. Tổ chức thanh tra hoặc phối hợp với thanh tra các cấp tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và tại các cửa khẩu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động trên địa bàn biên giới, hải đảo, vùng biển, các cửa khẩu trong phạm vi quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia của Bộ đội Biên phòng.

4. Thanh tra vụ việc khác do Tư lệnh Bộ đội Biên phòng giao.

5. Giúp Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ đội Biên phòng và các quyết định xử lý về thanh tra của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

7. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy, cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu nghiệp vụ ngành Thanh tra quốc phòng.

#### **Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng**

1. Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 23 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chòng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ đội Biên phòng.

2. Chánh Thanh tra quốc phòng Bộ đội Biên phòng có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về quyết định của mình;

b) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh kết luận nhưng phát hiện có vụ việc vi phạm pháp luật, khi được Tư lệnh Bộ đội Biên phòng giao;

c) Yêu cầu Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tiến hành thanh tra trong phạm vi quản lý của mình khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh Bộ đội Biên phòng về quyết định của mình;

d) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

đ) Kiến nghị với Tư lệnh Bộ đội Biên phòng giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ;

e) Kiến nghị với Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra;

f) Kiến nghị Tư lệnh Bộ đội Biên phòng xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

g) Tham gia kiến nghị với lãnh đạo, chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc quản lý, sắp xếp, sử dụng thanh tra viên;

h) Báo cáo Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

i) Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

k) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

## **Điều 25. Vị trí, chức năng của Thanh tra quân đoàn**

Thanh tra quân đoàn là cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh quân đoàn, giúp Tư lệnh quân đoàn quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của quân đoàn; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

## **Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quân đoàn**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Tư lệnh quân đoàn xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh quân đoàn đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh quân đoàn.

3. Thanh tra các vụ việc khác do Tư lệnh quân đoàn giao.

4. Giúp Tư lệnh quân đoàn quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra quân đoàn và các quyết định xử lý về thanh tra của Tư lệnh quân đoàn.

6. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quân đoàn.

7. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

### **Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quân đoàn**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của quân đoàn; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quân đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 26 của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định hoặc đề nghị người chỉ huy cùng cấp việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh quân đoàn về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc huỷ bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với Tư lệnh quân đoàn giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với Tư lệnh quân đoàn tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quân đoàn đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra.

6. Kiến nghị Tư lệnh quân đoàn xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Báo cáo Tư lệnh quân đoàn, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của quân đoàn trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

### **Điều 28. Vị trí, chức năng của Thanh tra Cảnh sát biển Việt Nam**

Thanh tra Cảnh sát biển Việt nam là cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, chịu sự chỉ huy, chỉ đạo trực tiếp của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt

Nam và sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Bộ Quốc phòng; giúp Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

### **Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cảnh sát biển Việt Nam**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam. Khi thanh tra Bộ yêu cầu thì phối hợp thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

3. Thanh tra các vụ việc khác do Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam giao.

4. Giúp Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Cảnh sát biển Việt Nam và các quyết định xử lý về thanh tra của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

6. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh.

7. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

### **Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cảnh sát biển Việt Nam**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Tư lệnh; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 29 của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định hoặc đề nghị người chỉ huy cùng cấp việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc huỷ bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra.

6. Kiến nghị Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Báo cáo Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Tư lệnh trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

### **Điều 31. Vị trí, chức năng của Thanh tra Bộ Tư lệnh 86**

Thanh tra Bộ Tư lệnh 86 là cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh 86, giúp Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra đối với cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

### **Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Tư lệnh 86**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86. Khi thanh tra Bộ yêu cầu thì phối hợp thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

3. Thanh tra các vụ việc khác do Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 giao.
4. Giúp Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.
5. Giúp Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 thanh tra việc chấp hành pháp luật trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tác chiến không gian mạng và công nghệ thông tin đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan.
6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ Tư lệnh 86 và các quyết định xử lý về thanh tra của Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86.
7. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh.
8. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

### **Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Tư lệnh 86**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Tư lệnh; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Bộ Tư lệnh 86 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 32 của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
2. Quyết định hoặc đề nghị người chỉ huy cùng cấp việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 về quyết định của mình.
3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc huỷ bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.
4. Kiến nghị với Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.
5. Kiến nghị với Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra.
6. Kiến nghị Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86 xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

7. Báo cáo Tư lệnh Bộ Tư lệnh 86, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Tư lệnh trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

**Điều 34. Vị trí, chức năng của Thanh tra binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Vĩễn thông Quân đội; các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga**

Thanh tra binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Vĩễn thông Quân đội, các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ, Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga là cơ quan trực thuộc binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Vĩễn thông Quân đội; các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga, giúp người chỉ huy cùng cấp quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra hành chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của người chỉ huy cùng cấp; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

**Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Vĩễn thông Quân đội; các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến người chỉ huy cùng cấp xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật nhà nước; nhiệm vụ quân sự, quyền hạn, chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của Bộ Quốc phòng và người chỉ huy cùng cấp đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của người chỉ huy.

3. Thanh tra vụ việc khác do người chỉ huy cùng cấp giao.

4. Giúp người chỉ huy cùng cấp quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

5. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra do thanh tra cấp trên và cấp mình đã tiến hành ở các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của người chỉ huy.

6. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ công tác thanh tra cho chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của người chỉ huy cùng cấp.

7. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

**Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Thanh tra binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Vĩễn thông Quân đội; các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga.**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Thủ trưởng cùng cấp; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Vĩễn thông Quân đội; các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 35 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định hoặc đề nghị người chỉ huy cùng cấp việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cùng cấp về quyết định của mình.

3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

4. Kiến nghị với người chỉ huy giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ.

5. Kiến nghị với người chỉ huy cùng cấp xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của người chỉ huy cùng cấp xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của thanh tra cấp mình và các quyết định xử lý về thanh tra của thủ trưởng đơn vị cùng cấp.

7. Báo cáo người chỉ huy cùng cấp, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

8. Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của binh chủng, binh đoàn, Tập đoàn Công nghiệp-Vĩễn thông Quân đội; các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ; Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

**Điều 37. Vị trí, chức năng của Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh**

Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh là cơ quan trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Giúp Chỉ

huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

### **Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra quốc phòng các quân khu để tổng hợp.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, nhiệm vụ quân sự đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân theo thẩm quyền quản lý nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Thanh tra các vụ việc khác do Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh giao.

5. Giúp Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh, Thanh tra quốc phòng cấp trên đã tiến hành thanh tra ở những đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng hợp báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Quản lý công tác thanh tra và hướng dẫn nghiệp vụ công tác thanh tra đối với người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra trong ngành Thanh tra quốc phòng.

### **Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh**

1. Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định hoặc đề nghị người chỉ huy cùng cấp việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định của mình;

b) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

c) Kiến nghị Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra quốc phòng Quân khu;

d) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

đ) Kiến nghị Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền

quản lý của cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

e) Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra;

g) Báo cáo Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình;

h) Thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

#### **Điều 40. Vị trí, chức năng của Thanh tra Cục Tài chính**

Thanh tra Cục Tài chính là cơ quan trực thuộc Cục Tài chính, giúp Cục trưởng Cục Tài chính về công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách, vốn và tài sản công, kế toán kho bạc, ngân hàng của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng; kiểm tra việc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong Quân đội; giúp Cục trưởng Cục Tài chính quản lý, chỉ đạo, thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

#### **Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục Tài chính**

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra xin ý kiến Cục trưởng Cục Tài chính xem xét quyết định và gửi cho Thanh tra Bộ để tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của Bộ.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật, quy trình, quy chế, quy định xử lý nghiệp vụ kinh tế tài chính của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong toàn quân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán, kho bạc, ngân hàng trong Quân đội.

3. Giúp Cục trưởng Cục Tài chính quản lý, chỉ đạo về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; quy định thời gian, mẫu biểu, nội dung báo cáo kết quả công tác thanh tra tài chính với Cục trưởng Cục Tài chính.

5. Thực hiện sơ kết, tổng kết, thông tin, báo cáo và tham gia biên soạn tài liệu về công tác thanh tra thuộc lĩnh vực ngành.

#### **Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục Tài chính**

1. Chánh Thanh tra Cục Tài chính có nhiệm vụ: Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Cục Tài chính; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 41 Nghị định này và các quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chánh Thanh tra Cục Tài chính có quyền hạn sau đây:

a) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

b) Kiến nghị với Cục trưởng Cục Tài chính giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra tài chính; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra Bộ;

c) Kiến nghị với cấp có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của người chỉ huy cơ quan, đơn vị đối với người đang công tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra tài chính;

d) Kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra;

đ) Báo cáo với Cục trưởng Cục Tài chính, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

### **Chương III**

#### **THANH TRA VIÊN QUỐC PHÒNG VÀ TIÊU CHUẨN CÁC NGẠCH THANH TRA VIÊN QUỐC PHÒNG**

##### **Điều 43. Thanh tra viên quốc phòng**

1. Thanh tra viên quốc phòng là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được bổ nhiệm vào các ngạch Thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của thủ trưởng cơ quan thanh tra.

2. Thanh tra viên quốc phòng phải có đủ tiêu chuẩn theo Điều 12 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 39, 40, 41 Luật Thanh tra năm 2022 và các Điều 45, 46, 47 của Nghị định này.

3. Thanh tra viên quốc phòng sử dụng trang phục theo quy định của Quân đội nhân dân Việt Nam; được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo quy định của Luật Thanh tra năm 2022 và Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.

#### **Điều 44. Các ngạch Thanh tra viên quốc phòng**

1. Thanh tra viên (có ở cấp Bộ, cấp trực thuộc Bộ, cấp Tỉnh).
2. Thanh tra viên chính (có ở cấp Bộ, cấp trực thuộc Bộ).
3. Thanh tra viên cao cấp (chỉ có ở cấp Bộ).

#### **Điều 45. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn ngạch Thanh tra viên**

##### **1. Chức trách:**

Thanh tra viên có trách nhiệm tham mưu giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện một số lĩnh vực công tác thanh tra và các nhiệm vụ khác; được giao chủ trì hoặc trực tiếp thanh tra các vụ việc có quy mô và tính chất phức tạp trung bình; khi tiến hành thanh tra phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp về nhiệm vụ được giao.

##### **2. Nhiệm vụ:**

- a) Tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác thanh tra;
- b) Tham gia xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các quyết định thanh tra về thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành; giúp Thủ trưởng đơn vị xử lý đơn thư, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trực tiếp thu thập, xác minh tài liệu, lập hồ sơ thanh tra;
- c) Nghiên cứu, tổng hợp, thu thập, xử lý thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác thanh tra;
- d) Lập biên bản, viết báo cáo kết quả thanh tra, tham gia xây dựng kết luận thanh tra làm rõ từng nội dung đã thanh tra, xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm; kiến nghị biện pháp giải quyết;
- e) Trong quá trình thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 82; khoản 1, khoản 3 Điều 83; khoản 1, khoản 3 Điều 84 Luật Thanh tra năm 2022;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do thủ trưởng cơ quan thanh tra giao.

##### **3. Năng lực:**

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, điều lệnh kỷ luật, chế độ quy định của Quân đội để vận dụng vào hoạt động thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

b) Có kiến thức cơ bản về quân sự, quốc phòng; nắm vững quy trình, nghiệp vụ công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

c) Am hiểu pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội;

d) Có khả năng nghiên cứu, phân tích tổng hợp tình hình trong lĩnh vực được giao, xây dựng văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

#### 4. Yêu cầu trình độ và điều kiện khác:

a) Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên thuộc 01 trong 05 thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức; hoặc có chứng chỉ hoặc chứng nhận biết tiếng dân tộc thiểu số do cơ quan có thẩm quyền cấp;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây gọi là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

đ) Có ít nhất 02 năm làm công tác thanh tra hoặc có ít nhất 05 năm công tác trở lên đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác chuyển sang cơ quan thanh tra.

### **Điều 46. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn ngạch Thanh tra viên chính**

#### 1. Chức trách:

Thanh tra viên chính có trách nhiệm tham mưu giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thanh tra và các nhiệm vụ khác có tính chất quan trọng; được giao chủ trì hoặc phối hợp tham gia thanh tra các vụ việc có quy mô rộng, tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều đơn vị trong và ngoài Quân đội. Khi tiến hành thanh tra phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp về nhiệm vụ được giao.

#### 2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các quyết định thanh tra về thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành; giúp thủ trưởng cơ quan,

đơn vị xử lý đơn thư, tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trực tiếp thu thập xác minh tài liệu, lập hồ sơ thanh tra;

b) Trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành thu thập chứng cứ, hồ sơ có liên quan đến nội dung thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được giao;

c) Xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo kết luận thanh tra, làm rõ từng nội dung đã thanh tra; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm; kiến nghị biện pháp giải quyết để chấn chỉnh hoạt động quản lý trong phạm vi lĩnh vực được giao;

d) Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện các cuộc thanh tra được giao;

đ) Tham gia xây dựng các quy trình nghiệp vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trực tiếp hoặc tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho thanh tra viên;

e) Trong quá trình thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 82; khoản 1, khoản 3 Điều 83; khoản 1, khoản 3 Điều 84 Luật Thanh tra năm 2022;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do thủ trưởng cơ quan thanh tra giao.

### 3. Năng lực:

a) Có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước; nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, điều lệnh kỷ luật, chế độ quy định của Quân đội để vận dụng vào hoạt động thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

b) Có kiến thức cơ bản về quân sự, quốc phòng; nắm vững quy trình, nghiệp vụ công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

c) Am hiểu pháp luật và quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội;

d) Có năng lực nghiên cứu, phân tích tổng hợp tình hình trong lĩnh vực được giao; có khả năng đảm nhận trách nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn thanh tra.

### 4. Yêu cầu trình độ và điều kiện khác:

a) Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác;

b) Tốt nghiệp đào tạo cán bộ cấp trung, lũ, sư đoàn tại các học viện chuyên ngành quân sự, quốc phòng phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên chính;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên thuộc 01 trong 05 thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức; hoặc có chứng chỉ hoặc chứng nhận biết tiếng dân tộc thiểu số do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

e) Đã được bổ nhiệm ngạch thanh tra viên ít nhất 09 năm, trừ trường hợp đã qua cương vị chỉ huy cấp trung đoàn hoặc cương vị công tác tương đương hoặc sĩ quan đang giữ ngạch tương đương ngạch thanh tra viên chính chuyển sang cơ quan thanh tra.

#### **Điều 47. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn ngạch Thanh tra viên cao cấp**

##### **1. Chức trách:**

Thanh tra viên cao cấp có trách nhiệm tham mưu trực tiếp giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thanh tra và các nhiệm vụ khác; được giao chủ trì hoặc phối hợp thanh tra các vụ việc có quy mô lớn, tình tiết rất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều đơn vị trong và ngoài Quân đội; khi tiến hành thanh tra phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp về nhiệm vụ được giao.

##### **2. Nhiệm vụ:**

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, nghiên cứu, đề xuất chương trình công tác, tổ chức thực hiện quyết định thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được giao;

b) Trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiến hành thu thập chứng cứ, hồ sơ có liên quan đến nội dung thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được giao;

c) Xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo kết luận thanh tra, làm rõ từng nội dung đã thanh tra; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm; kiến nghị biện pháp giải quyết để chấn chỉnh hoạt động quản lý đối với các cơ quan, đơn vị, các ngành hoặc các địa phương;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổng kết, đánh giá các cuộc thanh tra có quy mô lớn, phức tạp, cuộc thanh tra diện rộng được giao;

đ) Chủ trì, tham gia xây dựng các quy trình nghiệp vụ thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho thanh tra viên, thanh tra viên chính;

e) Trong quá trình thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 82; khoản 1, khoản 3 Điều 83; khoản 1, khoản 3 Điều 84 Luật Thanh tra năm 2022;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do thủ trưởng cơ quan thanh tra giao.

### 3. Năng lực:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, điều lệnh kỷ luật của Quân đội; có kiến thức quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại;

b) Có kiến thức sâu, rộng về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững quy trình, nghiệp vụ công tác thanh tra;

c) Am hiểu kiến thức pháp luật; tình hình kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế;

d) Có năng lực nghiên cứu tổng kết thực tiễn, tổng kết chuyên đề diện rộng thuộc lĩnh vực được giao; có khả năng đảm nhận trách nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn thanh tra các vụ việc có quy mô lớn, tình tiết rất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực;

đ) Chủ trì nghiên cứu, tổng kết lý luận về công tác thanh tra; tham gia xây dựng các văn bản pháp luật về thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

e) Tham gia xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ để đào tạo, bồi dưỡng cho thanh tra viên, thanh tra viên chính.

### 4. Yêu cầu trình độ và điều kiện khác:

a) Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực đang công tác;

b) Tốt nghiệp đào tạo cao cấp tham mưu tác chiến chiến dịch - chiến lược tại Học viện Quốc phòng;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch thanh tra viên cao cấp;

d) Có trình độ cao cấp lý luận chính trị;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C trở lên thuộc 01 trong 05 thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức; hoặc có chứng chỉ hoặc chứng nhận biết tiếng dân tộc thiểu số do cơ quan có thẩm quyền cấp;

e) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

g) Đã được bổ nhiệm thanh tra viên chính ít nhất 06 năm, trừ trường hợp đã qua cương vị chỉ huy cấp sư đoàn hoặc cương vị công tác tương đương hoặc sĩ quan đang giữ ngạch tương đương ngạch thanh tra viên cao cấp chuyển sang cơ quan thanh tra.

**Điều 48. Miễn Nhiệm Thanh tra viên**

Việc miễn nhiệm Thanh tra viên được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.

**Điều 49. Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý cán bộ thanh tra quốc phòng**

Việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý cán bộ thanh tra quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

**Chương IV****HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA QUỐC PHÒNG****Điều 50. Xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra năm**

1. Việc xây dựng, ban hành kế hoạch thanh tra phải căn cứ vào định hướng, chương trình thanh tra, hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên và yêu cầu công tác quản lý của Bộ Quốc phòng, yêu cầu nhiệm vụ và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của cấp mình.

2. Kế hoạch thanh tra của Bộ bao gồm kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ, kế hoạch thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra giữa cơ quan thanh tra các cấp.

3. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 10 hằng năm, căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ hướng dẫn Thanh tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan, đơn vị mình; Thanh tra quốc phòng quân khu, Thanh tra quốc phòng Bộ, Đội biên phòng hướng dẫn thanh tra quốc phòng cấp tỉnh xây dựng dự thảo Kế hoạch thanh tra của đơn vị mình.

4. Chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 hằng năm, Thanh tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ gửi dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan, đơn vị mình đến Thanh tra Bộ để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của Bộ.

5. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm, Chánh Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch thanh tra của Bộ. Chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 hằng năm, Bộ trưởng có trách nhiệm ban hành kế hoạch thanh tra của Bộ.

6. Kế hoạch thanh tra sau khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành phải được trích gửi cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức có liên quan.

**Điều 51. Hình thức và thời hạn thanh tra**

1. Hình thức thanh tra

a) Hoạt động thanh tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất;

b) Thanh tra theo kế hoạch được tiến hành theo kế hoạch thanh tra đã được ban hành;

c) Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hoặc do thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có thẩm quyền giao hoặc do yêu cầu của cơ quan thanh tra cấp trên.

## 2. Thời hạn thanh tra

a) Cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra các đơn vị trực thuộc Bộ tiến hành không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày;

b) Cuộc thanh tra do Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh tiến hành không quá 30 ngày; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì có thể gia hạn một lần không quá 15 ngày;

c) Thời gian tạm dừng cuộc thanh tra quy định tại Điều 70 của Luật Thanh tra không tính vào thời hạn thanh tra.

## **Điều 52. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra; xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành cuộc thanh tra và đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo**

### 1. Căn cứ ban hành quyết định thanh tra:

- a) Kế hoạch thanh tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;
- c) Yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;
- d) Theo yêu cầu của người chỉ huy cùng cấp;
- e) Theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan thanh tra cấp trên;
- f) Căn cứ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 điều này, Chánh Thanh tra các cấp ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Quyết định thanh tra bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Thanh tra.

### 3. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành cuộc thanh tra

Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành thanh tra gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Thanh tra, trình người ra quyết định thanh tra phê duyệt. Sau khi kế hoạch tiến hành thanh tra được phê duyệt, Trưởng đoàn thanh tra tổ chức họp đoàn thanh tra để phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra và phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn thanh tra.

4. Căn cứ nội dung thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo.

5. Quyết định thanh tra được gửi đến thủ trưởng cơ quan cùng cấp và gửi kèm đề cương báo cáo cho đối tượng thanh tra ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định thanh tra.

6. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra hoặc người ra quyết định thanh tra thông báo bằng văn bản đến đối tượng thanh tra về việc công bố quyết định thanh tra theo quy định tại Điều 63 Luật Thanh tra.

#### **Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra**

Người ra quyết định thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 80 Luật Thanh tra năm 2022.

#### **Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra**

Trưởng đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 81 Luật Thanh tra năm 2022.

#### **Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Đoàn thanh tra**

Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Đoàn thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật Thanh tra năm 2022.

#### **Điều 56. Giám sát hoạt động của đoàn thanh tra**

1. Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm tự giám sát, giao cán bộ giám sát hoặc thành lập Tổ giám sát (sau đây gọi chung là người thực hiện giám sát) để thực hiện giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra.

Trường hợp tự giám sát, phải ghi rõ trong quyết định thanh tra về việc tự giám sát; trường hợp giao người thực hiện giám sát, phải ban hành quyết định giám sát.

2. Nội dung giám sát; nhiệm vụ, quyền hạn của người thực hiện giám sát, của đối tượng chịu sự giám sát; phương thức giám sát và việc báo cáo kết quả giám sát, thực hiện theo quy định từ Điều 98 đến Điều 101 Luật Thanh tra.

#### **Điều 57. Báo cáo kết quả thanh tra**

1. Trưởng đoàn thanh tra xây dựng báo cáo kết quả thanh tra gửi đến người ra quyết định thanh tra. Trường hợp Trưởng đoàn thanh tra không thể thực hiện nhiệm vụ thì người ra quyết định thanh tra giao Phó Trưởng đoàn thanh tra (nếu có) hoặc thành viên đoàn thanh tra xây dựng báo cáo kết quả thanh tra. Báo cáo kết quả thanh tra phải bảo đảm các nội dung theo quy định tại Điều 73 Luật Thanh tra.

2. Thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra của Thanh tra Bộ không quá 20 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

3. Thời gian xây dựng báo cáo kết quả thanh tra của Thanh tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh không quá 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

4. Người ra quyết định thanh tra xem xét báo cáo kết quả thanh tra, yêu cầu Trưởng đoàn thanh tra làm rõ hoặc bổ sung nội dung báo cáo kết quả thanh tra nếu thấy cần thiết.

### **Điều 58. Xây dựng dự thảo kết luận thanh tra**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra giao Trưởng đoàn thanh tra xây dựng dự thảo kết luận thanh tra. Trường hợp Trưởng đoàn thanh tra không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ thì người ra quyết định thanh tra giao Phó Trưởng đoàn thanh tra (nếu có) hoặc thành viên đoàn thanh tra xây dựng, trình dự thảo kết luận thanh tra. Dự thảo kết luận thanh tra bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Thanh tra.

2. Dự thảo kết luận thanh tra được gửi đến thành viên đoàn thanh tra để tham gia ý kiến. Người ra quyết định thanh tra có quyền yêu cầu Trưởng đoàn và thành viên đoàn thanh tra báo cáo, gửi văn bản yêu cầu đối tượng thanh tra giải trình hoặc xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về một hoặc một số nội dung của dự thảo kết luận thanh tra.

Việc giải trình của đối tượng thanh tra, nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng văn bản, kèm theo thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

3. Thời gian xây dựng dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ không quá 20 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

4. Thời gian xây dựng dự thảo kết luận thanh tra của Thanh tra các đơn vị trực thuộc Bộ, Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh không quá 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

### **Điều 59. Thẩm định dự thảo kết luận thanh tra**

1. Dự thảo kết luận thanh tra hành chính của Thanh tra Bộ phải được thẩm định trước khi ban hành, việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra hành chính của các cơ quan thanh tra khác được thực hiện khi cần thiết. Việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và của các cơ quan thanh tra khác được thực hiện khi cần thiết.

2. Người thực hiện thẩm định dự thảo kết luận thanh tra phải có chuyên môn, nghiệp vụ về nội dung cần thẩm định; không giao nhiệm vụ thẩm định dự thảo kết luận thanh tra cho người không đủ điều kiện để thẩm định theo quy định của pháp luật.

3. Việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra thực hiện theo Điều 77 Luật thanh tra năm 2022.

#### **Điều 60. Ban hành Kết luận thanh tra**

1. Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra, báo cáo kết quả thẩm định và các văn bản giải trình, tham gia ý kiến (nếu có), người ra quyết định thanh tra chỉ đạo hoàn thiện dự thảo kết luận thanh tra, báo cáo, xin ý kiến thủ trưởng cơ quan cùng cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan về dự thảo kết luận thanh tra.

Chậm nhất là 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của thủ trưởng cơ quan cùng cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan, người ra quyết định thanh tra phải hoàn thiện và ban hành kết luận thanh tra. Kết luận thanh tra phải đảm bảo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Thanh tra năm 2022.

2. Trường hợp cuộc thanh tra cần ban hành nhiều kết luận thanh tra nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước, Trưởng đoàn thanh tra xây dựng báo cáo kết quả thanh tra về các nội dung đã được kiểm tra, xác minh, đủ cơ sở kết luận và xây dựng dự thảo kết luận thanh tra, trình người ra quyết định thanh tra xem xét, ban hành.

3. Trước khi công khai kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có thể ban hành kết luận sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ kết luận thanh tra khi có căn cứ cho thấy kết luận thanh tra không bảo đảm đầy đủ, chính xác, khách quan, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Kết luận thanh tra sau khi công khai được gửi đến thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, cơ quan thanh tra cấp trên, đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 61. Công khai kết luận thanh tra**

1. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm công khai kết luận thanh tra theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và một trong các hình thức quy định tại các điểm b, c khoản 3 Điều này.

2. Kết luận thanh tra phải được công khai toàn văn, trừ nội dung thuộc bí mật Nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của luật.

3. Hình thức công khai kết luận thanh tra bao gồm:

a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp;

b) Tổ chức cuộc họp trực tiếp (hoặc trực tuyến) để công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Gửi thông báo Kết luận thanh tra cho đối tượng thanh tra trong trường hợp không tổ chức họp công bố kết luận thanh tra.

**Điều 62. Thanh tra lại và xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra quốc phòng**

1. Khi có căn cứ theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP, Tổng Thanh tra Chính phủ quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Thanh tra Bộ; Chánh Thanh tra Bộ quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Thanh tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ. Trình tự, thủ tục thanh tra lại thực hiện theo quy định từ Điều 20 đến Điều 24 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

2. Việc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Thanh tra.

**Điều 63. Xử lý và chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phải ban hành văn bản tổ chức thực hiện kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra. Văn bản tổ chức thực hiện có các nội dung sau đây:

a) Xử lý, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sai phạm về kinh tế;

b) Xử lý, yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật;

c) Áp dụng hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

2. Khi chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra trình phương án khắc phục sai phạm về kinh tế, giao người ban hành kết luận thanh tra và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, trình đề phê duyệt phương án khắc phục sai phạm bảo đảm thu hồi triệt để tiền và tài sản nhà nước, tạo điều kiện cho đối tượng thanh tra tiếp tục duy trì, phát triển sản xuất, kinh doanh.

3. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp giao cơ quan, đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức tiến hành xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật được nêu trong kết luận thanh tra; giao cơ quan thanh tra theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra.

Trường hợp thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức không xử lý cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật hoặc xử lý không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi vi phạm thì thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xem xét, xử lý trách nhiệm đối với thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

#### **Điều 64. Xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra**

Tổ chức, cá nhân cản trở, đưa hối lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, tố cáo sai sự thật, vi phạm pháp luật về thanh tra hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra hoặc vi động cơ cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong xử lý vi phạm, kết luận không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 65. Bảo đảm cho hoạt động thanh tra**

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động thanh tra quốc phòng được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Quốc phòng và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2. Việc bảo đảm vật chất, phương tiện phục vụ cho tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng các cấp do người chỉ huy cùng cấp chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

### **Chương V**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 66. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng ..... năm 2025 và thay thế Nghị định số 33/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

#### **Điều 67. Trách nhiệm thi hành**

Các bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

#### **Điều 68. Quy định chuyển tiếp**

1. Sĩ quan Quân đội nhân dân đã được bổ nhiệm các ngạch chức danh thanh tra viên trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, được tiếp tục giữ nguyên ngạch chức danh đã bổ nhiệm.

2. Khi các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

*Nơi nhận:*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).

**Phạm Minh Chính**